

**CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH
THÀNH THÀNH CÔNG**

Số: 23 /2021/CBTT-TTCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 08 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK TPHCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH THÀNH THÀNH CÔNG

Mã chứng khoán: VNG

Địa chỉ trụ sở chính: 253 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: 1900 55 88 55

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Phan Thị Hồng Vân

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Loại thông tin công bố: Định kỳ Bất thường 24 giờ Theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố:

- Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công công bố thông tin về Báo cáo tài chính soát xét bán niên 2021 của kiểm toán (theo file đính kèm)

Toàn bộ tài liệu này được đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của công ty tại đường dẫn (link) sau: <https://tchospitality.vn/>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Trân trọng.



Phan Thị Hồng Vân

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021



Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	9
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	12 - 48

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("CNDKKD") số 3500753423 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 2006, và các Giấy CNDKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là VNG theo Quyết định số 149/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 30 tháng 11 năm 2009.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày; kinh doanh thức ăn đồ uống; cung cấp dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, tổ chức sự kiện; kinh doanh đại lý thu đổi ngoại tệ, đại lý du lịch; kinh doanh vũ trường, phòng trà, massage, karaoke; kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài; buôn bán thực phẩm.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 253, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Phan Thị Hồng Vân	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021
Ông Nguyễn Thế Vinh	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021
Bà Hồ Thị Phương Thảo	Thành viên	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021
Bà Nguyễn Thái Hà	Phó Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021
Ông Đặng Huỳnh Anh Tuấn	Thành viên	
Ông Hoàng Mạnh Tiến	Thành viên	
Ông Vũ Việt Bản	Thành viên	
Ông Đỗ Huy Hiệp	Thành viên	miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Trần Võ Hiếu Thuận	Quyền Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 2 tháng 5 năm 2021
	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 2 tháng 5 năm 2021
Ông Nguyễn Vũ Hoàng An	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 27 tháng 7 năm 2021
Ông Phan Minh Trí	Phó Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2021

ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Mạnh Tiến	Trưởng ban kiểm toán	
Ông Vũ Việt Bản	Thành viên	
Ông Đỗ Huy Hiệp	Thành viên	miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021
Bà Hồ Thị Phương Thảo	Thành viên	bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2021

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Thế Vinh
Bà Phan Thị Hồng Vân

đến ngày 10 tháng 5 năm 2021
từ ngày 11 tháng 5 năm 2021

Bà Trần Võ Hiếu Thuận được Bà Phan Thị Hồng Vân ủy quyền để ký báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 theo Quyết định số 01/2021/QĐ-CTHĐQT ngày 16 tháng 6 năm 2021.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

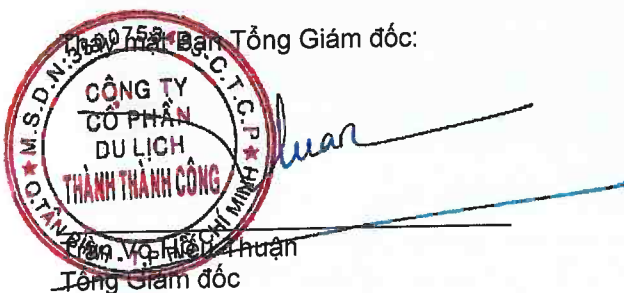
CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đề ngày 25 tháng 8 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

Trưởng Ban Tổng Giám đốc:



Trần Văn Hiệp
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2021

Số tham chiếu: 61454124/22632488/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") được lập ngày 25 tháng 8 năm 2021 và được trình bày từ trang 6 đến trang 48, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính riêng giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng giữa niên độ của Công ty vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, và kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1588-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 8 năm 2021

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		458.490.807.598	325.743.247.707
110	I. Tiền	4	6.419.378.455	33.509.813.240
111	1. Tiền		6.419.378.455	33.509.813.240
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		450.253.327.974	290.656.882.288
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	83.844.970.060	42.117.614.526
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	106.834.635.029	46.605.464.566
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	105.560.000.000	82.010.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	154.713.310.553	120.623.390.864
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	5, 6, 8	(719.670.376)	(719.670.376)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		20.082.708	20.082.708
140	III. Hàng tồn kho	9	963.675.266	1.042.124.108
141	1. Hàng tồn kho		963.675.266	1.042.124.108
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		854.425.903	534.428.071
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	565.233.705	334.061.940
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	267.393.258	78.416.210
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	21.798.940	121.949.921

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021


VND


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.173.745.254.947	1.216.135.986.210
210	I. Khoản phải thu dài hạn		-	35.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	-	35.000.000
220	II. Tài sản cố định		135.321.625.411	138.817.380.070
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	105.786.346.966	108.657.924.617
222	Nguyên giá		177.550.433.412	177.725.305.506
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(71.764.086.446)	(69.067.380.889)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	29.535.278.445	30.159.455.453
228	Nguyên giá		40.916.735.812	40.976.735.812
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(11.381.457.367)	(10.817.280.359)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		1.560.047.836	1.836.037.336
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	1.560.047.836	1.836.037.336
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	14	1.022.919.319.932	1.057.923.450.193
251	1. Đầu tư vào công ty con	14.1	945.845.579.312	1.022.015.534.312
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	14.2	85.921.559.724	43.734.954.724
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(8.847.819.104)	(7.827.038.843)
260	V. Tài sản dài hạn khác		13.944.261.768	17.524.118.611
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	13.944.261.768	17.524.118.611
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.632.236.062.545	1.541.879.233.917

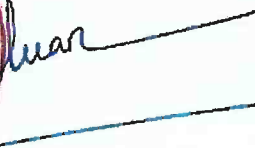
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		446.217.899.920	361.049.307.137
310	I. Nợ ngắn hạn		349.808.444.084	256.139.025.172
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	12.514.580.066	31.976.545.328
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	24.102.949.670	6.951.667.786
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	2.201.906.413	4.292.222.742
314	4. Phải trả người lao động	18	1.805.578.289	2.645.281.029
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	11.784.418.736	6.039.369.913
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	180.107.266	142.743.630
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	60.341.925.734	52.811.849.274
320	8. Vay ngắn hạn	21	236.401.451.188	150.803.818.748
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	475.526.722	475.526.722
330	II. Nợ dài hạn		96.409.455.836	104.910.281.965
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	14.002.404.716	14.182.404.716
338	2. Vay dài hạn	21	82.407.051.120	90.727.877.249
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.186.018.162.625	1.180.829.926.780
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	1.186.018.162.625	1.180.829.926.780
411	1. Vốn cổ phần		972.766.080.000	972.766.080.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		972.766.080.000	972.766.080.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		106.459.866.414	106.459.866.414
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		6.719.655.738	6.719.655.738
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		100.072.560.473	94.884.324.628
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		94.884.324.628	64.139.417.091
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		5.188.235.845	30.744.907.537
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.632.236.062.545	1.541.879.233.917


Nguyễn Thị Lan Phương
Người lập


Bùi Tấn Khải
Kế toán trưởng


Trần Võ Hiếu Thuận
Tổng Giám đốc





Ngày 25 tháng 8 năm 2021


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	88.141.445.131	121.614.870.737
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	(2.720.455)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	88.141.445.131	121.612.150.282
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(82.318.050.248)	(80.490.191.411)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.823.394.883	41.121.958.871
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	42.731.773.952	12.181.952.240
22	7. Chi phí tài chính	25	(14.700.889.042)	(10.657.550.499)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(13.680.043.860)	(9.480.170.142)
25	8. Chi phí bán hàng	26	(5.462.403.245)	(9.250.935.671)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(22.141.341.248)	(23.078.618.819)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		6.250.535.300	10.316.806.122
31	11. Thu nhập khác		38.945.598	8.277.070.026
32	12. Chi phí khác		(687.884.640)	(1.020.146)
40	13. (Lỗ) lợi nhuận khác		(648.939.042)	8.276.049.880
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.601.596.258	18.592.856.002
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	28.1	(413.360.413)	(2.702.516.503)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		5.188.235.845	15.890.339.499


Nguyễn Thị Lan Phương
Người lập


Bùi Tấn Khải
Kế toán trưởng


Trần Võ Hiếu Thuận
Tổng Giám đốc



Ngày 25 tháng 8 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

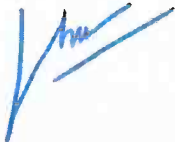
VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		5.601.596.258	18.592.856.002
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	11, 12	3.325.765.461	3.252.073.703
03	Dự phòng		1.020.780.261	1.175.733.026
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	(2.406.276)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(42.733.639.066)	(12.255.835.314)
06	Chi phí lãi vay	25	13.680.043.860	9.480.170.142
08	(Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(19.105.453.226)	20.242.591.283
09	Tăng các khoản phải thu		(68.501.155.341)	(50.747.102.819)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		78.448.842	(151.849.786)
11	Tăng các khoản phải trả		3.893.687.120	10.128.130.573
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		3.348.685.078	(16.648.490.685)
14	Tiền lãi vay đã trả		(9.050.692.123)	(7.581.336.800)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	17	(1.044.137.798)	-
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(4.272.451.485)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(90.380.617.448)	(49.030.509.719)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		-	(555.790.464)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		29.800.000	-
23	Tiền chi cho vay		(53.650.000.000)	(50.350.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay		30.100.000.000	46.432.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(1.250.000.000)	(51.450.000.000)
27	Tiền thu lãi tiền gửi, tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		10.784.051.352	5.590.114.680
30	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(13.986.148.648)	(50.333.675.784)


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021

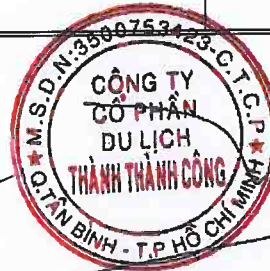
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền thu từ đi vay	21	253.277.044.245	147.325.183.584
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	21	(176.000.237.934)	(103.707.242.660)
36	Cổ tức đã trả	22.2	(475.000)	(910.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		77.276.331.311	43.617.030.924
50	Giảm tiền thuần trong kỳ		(27.090.434.785)	(55.747.154.579)
60	Tiền đầu kỳ		33.509.813.240	58.376.164.651
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	2.406.276
70	Tiền cuối kỳ	4	6.419.378.455	2.631.416.348


Nguyễn Thị Lan Phương
Người lập


Bùi Tấn Khải
Kế toán trưởng


Trần Võ Hiếu Thuận
Tổng Giám đốc



Ngày 25 tháng 8 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("CNĐKKD") số 3500753423 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 7 năm 2006, và các Giấy CNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") với mã giao dịch cổ phiếu là VNG theo Quyết định số 149/QĐ-SGDHCM do Tổng Giám đốc HOSE ký ngày 30 tháng 11 năm 2009.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cung cấp dịch vụ lưu trú ngắn ngày; kinh doanh thức ăn đồ uống; cung cấp dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải, tổ chức sự kiện; kinh doanh đại lý thu đổi ngoại tệ, đại lý du lịch; kinh doanh vũ trường, phòng trà, massage, karaoke; kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng cho người nước ngoài, buôn bán thực phẩm.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 253, Đường Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 là 185 (ngày 31 tháng 12 năm 2020: 191).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 14.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021 đề ngày 25 tháng 8 năm 2021.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Nhóm Công ty.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán nguyên vật liệu, hàng hóa và công cụ, dụng cụ với giá trị được xác định như chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu và hàng tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ khi Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	39 năm
Nhà cửa và vật kiến trúc	8 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 năm
Phương tiện vận tải	8 - 10 năm
Tài sản khác	10 - 25 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang xây dựng và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

3.9 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần hoặc ghi nhận phù hợp với doanh thu vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ:

- ▶ Chi phí bảo hiểm; và
- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng.

3.11 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí trong kỳ khi phát sinh.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty bằng VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cho thuê phòng, bán thức ăn và đồ uống, giải trí và hoạt động kinh doanh khác

Doanh thu cho thuê phòng, bán thức ăn và đồ uống, phí dịch vụ giặt ủi và các khoản doanh thu khác được ghi nhận khi hàng hóa được chuyển giao và dịch vụ đã được thực hiện.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu

Không có khoản thu nhập nào được ghi nhận khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập. Tuy nhiên, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được sẽ được công bố trên thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có liên quan.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Tiền mặt	91.446.869	109.425.587
Tiền gửi ngân hàng	6.327.931.586	33.385.617.653
Tiền đang chuyển	-	14.770.000
TỔNG CỘNG	<u>6.419.378.455</u>	<u>33.509.813.240</u>

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Các bên khác	11.071.577.773	10.969.372.382
Các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	72.773.392.287	31.148.242.144
TỔNG CỘNG	<u>83.844.970.060</u>	<u>42.117.614.526</u>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(175.532.427)	(175.532.427)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>83.669.437.633</u>	<u>41.942.082.099</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Các bên khác	62.434.635.026	2.167.364.462
<i>Công ty cổ phần Khách sạn Hoàng Cung</i>	60.000.000.000	-
<i>Khác</i>	2.434.635.026	2.167.364.462
Các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 29</i>)	<u>44.400.000.003</u>	<u>44.438.100.104</u>
TỔNG CỘNG	106.834.635.029	46.605.464.566
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(134.315.460)</u>	<u>(134.315.460)</u>
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>106.700.319.569</u>	<u>46.471.149.106</u>

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Các bên khác	16.500.000.000	16.500.000.000
Các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 29</i>)	<u>89.060.000.000</u>	<u>65.510.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>105.560.000.000</u>	<u>82.010.000.000</u>

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay tín chấp được trình bày như sau:

Bên đi vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày đáo hạn	Lãi suất
	VND		%/năm
Công ty Cổ phần Du lịch Đông Thuận	37.720.000.000	Từ ngày 12 tháng 8 năm 2021 đến ngày 23 tháng 6 năm 2021	10,8
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	21.740.000.000	Từ ngày 24 tháng 12 năm 2021 đến ngày 15 tháng 6 năm 2022	11
Công ty TNHH Du lịch TTC	17.000.000.000	Từ ngày 1 tháng 6 năm 2022 đến ngày 30 tháng 6 năm 2022	11
Bà Triệu Phi Yến	16.500.000.000	Từ ngày 6 tháng 5 năm 2022 đến ngày 8 tháng 5 năm 2022	10,6
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	12.600.000.000	Ngày 11 tháng 8 năm 2021	10,8
TỔNG CỘNG	<u>105.560.000.000</u>		

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ngắn hạn	154.713.310.553	120.623.390.864
Ký quỹ	58.172.500.000	58.115.500.000
Tạm ứng cho nhân viên	47.133.786.656	20.360.296.793
Các bên liên quan (<i>Thuyết minh số 29</i>)	44.249.972.476	38.067.662.625
Lãi cho vay phải thu	2.012.460.827	1.145.148.496
Khác	3.144.590.594	2.934.782.950
Dài hạn	-	35.000.000
Ký quỹ	-	35.000.000
TỔNG CỘNG	154.713.310.553	120.658.390.864
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(409.822.489)	(409.822.489)
GIÁ TRỊ THUẦN	154.303.488.064	120.248.568.375

9. HÀNG TỒN KHO

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Nguyên vật liệu	574.156.443	644.628.851
Hàng hóa	385.741.551	248.189.013
Công cụ, dụng cụ	3.777.272	149.306.244
TỔNG CỘNG	963.675.266	1.042.124.108

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ngắn hạn	565.233.705	334.061.940
Chi phí bảo hiểm	155.785.826	130.842.800
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	212.842.129	110.225.257
Chi phí sửa chữa và bảo dưỡng	70.053.861	34.912.500
Khác	126.551.889	58.081.383
Dài hạn	13.944.261.768	17.524.118.611
Chi phí hợp tác kinh doanh (*)	11.000.000.000	14.000.000.000
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.280.186.012	2.875.188.315
Khác	664.075.756	648.930.296
TỔNG CỘNG	14.509.495.473	17.858.180.551

(*) Đây là giá trị còn lại của chi phí hợp tác kinh doanh không hoàn lại theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh Số 531/2019/HĐHTKD/TTCT-ĐT ký với Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận ngày 12 tháng 12 năm 2019 để cùng kinh doanh Khu nghỉ dưỡng tại Tỉnh Ninh Thuận. Chi phí này được Công ty phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm từ tháng 1 năm 2020.

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	140.051.313.497	13.300.962.285	18.683.091.825	2.107.703.487	3.582.234.412	177.725.305.506
Thanh lý, nhượng bán	-	(44.700.000)	-	-	-	(44.700.000)
Xóa sổ	-	(130.172.094)	-	-	-	(130.172.094)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	140.051.313.497	13.126.090.191	18.683.091.825	2.107.703.487	3.582.234.412	177.550.433.412
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	2.223.548.547	2.583.256.420	-	1.509.262.543	-	6.316.067.510
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	50.714.062.792	7.506.431.103	7.090.689.201	1.584.324.932	2.171.872.861	69.067.380.889
Khấu hao trong kỳ	1.444.097.748	381.556.515	804.888.498	38.604.276	79.108.080	2.748.255.117
Thanh lý, nhượng bán	-	(16.837.000)	-	-	-	(16.837.000)
Xóa sổ	-	(34.712.560)	-	-	-	(34.712.560)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	52.158.160.540	7.836.438.058	7.895.577.699	1.622.929.208	2.250.980.941	71.764.086.446
Giá trị còn lại:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	89.337.250.705	5.794.531.182	11.592.402.624	523.378.555	1.410.361.551	108.657.924.617
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	87.893.152.957	5.289.652.133	10.787.514.126	484.774.279	1.331.253.471	105.786.346.966
Trong đó:						
Tài sản thế chấp cho các khoản vay (Thuyết minh số 21)	-	-	3.852.363.312	-	-	3.852.363.312

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	VND			
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	38.892.426.817	1.336.000.000	748.308.995	40.976.735.812
Xóa sổ	-	(60.000.000)	-	(60.000.000)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>38.892.426.817</u>	<u>1.276.000.000</u>	<u>748.308.995</u>	<u>40.916.735.812</u>
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	9.952.832.507	491.691.582	372.756.270	10.817.280.359
Hao mòn trong kỳ	497.528.838	61.679.124	18.302.382	577.510.344
Xóa sổ	-	(13.333.336)	-	(13.333.336)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>10.450.361.345</u>	<u>540.037.370</u>	<u>391.058.652</u>	<u>11.381.457.367</u>
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	<u>28.939.594.310</u>	<u>844.308.418</u>	<u>375.552.725</u>	<u>30.159.455.453</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	<u>28.442.065.472</u>	<u>735.962.630</u>	<u>357.250.343</u>	<u>29.535.278.445</u>

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Dự án Khu vui chơi Phú Quốc	1.470.947.836	1.470.947.836
Phần mềm máy tính	89.100.000	365.089.500
TỔNG CỘNG	<u>1.560.047.836</u>	<u>1.836.037.336</u>

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 14.1)	945.845.579.312	1.022.015.534.312
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 14.2)	85.921.559.724	43.734.954.724
TỔNG CỘNG	<u>1.031.767.139.036</u>	<u>1.065.750.489.036</u>
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(8.847.819.104)	(7.827.038.843)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>1.022.919.319.932</u>	<u>1.057.923.450.193</u>

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.1 Đầu tư vào công ty con

Chi tiết các khoản đầu tư vào công ty con như sau:

Tên công ty con	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
			Chi phí đầu tư (VND)	% sở hữu	Chi phí đầu tư (VND)	% sở hữu
Công ty TNHH Du lịch TTC	Đang hoạt động	Đang hoạt động Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	483.295.516.000	100	483.295.516.000	100
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú, nhà hàng và vui chơi giải trí	442.218.911.050	100	442.218.911.050	100
Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Đà Lạt	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	13.081.152.262	100	13.081.152.262	100
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Đang hoạt động	Đại lý du lịch	5.000.000.000	100	5.000.000.000	100
Công ty TNHH Du lịch TTC Huế	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	1.250.000.000	100	-	-
Công ty TNHH MTV Chăm sóc Sức khỏe Ngọc Lan	Đang hoạt động	Dịch vụ chăm sóc sức khỏe	1.000.000.000	100	1.000.000.000	100
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Bình (*)	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	-	-	77.419.955.000	74,8
TỔNG CỘNG			945.845.579.312		1.022.015.534.312	

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021, Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng 34,04% quyền sở hữu của Công ty trong Công ty Cổ phần Du lịch Thành Bình ("Thành Bình") cho các nhà đầu tư khác theo Hợp đồng Chuyển nhượng Vốn góp ngày 30 tháng 6 năm 2021 với tổng giá trị là 64.030.000.000 VND và ghi nhận khoản lãi ròng là 28.796.650.000 VND. Theo đó, Công ty hiện chỉ còn quyền sở hữu 40,76% trong Thành Bình tại ngày 30 tháng 6 năm 2021. Nghiệp vụ này đã được phê duyệt theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 20/2021/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 6 năm 2021.

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

14.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty liên kết như sau:

Tên công ty liên kết	Tình trạng hoạt động	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2021		Ngày 31 tháng 12 năm 2020	
			Chi phí đầu tư (VND)	% sở hữu	Chi phí đầu tư (VND)	% sở hữu
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	42.186.605.000	- 40,76	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch Vinagolf Angkor	Đang hoạt động	Dịch vụ lưu trú và nhà hàng	24.772.623.054	49	24.772.623.054	(7.827.038.843) 49
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Đang hoạt động	Dịch vụ nhà hàng	18.962.331.670	- 20,75	18.962.331.670	- 20,75
GIÁ TRỊ THUẬN			85.921.559.724	(8.847.819.104)	43.734.954.724	(7.827.038.843)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	6.687.219.654	24.326.201.201
Các bên khác	5.827.360.412	7.650.344.127
TỔNG CỘNG	<u>12.514.580.066</u>	<u>31.976.545.328</u>

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	17.865.853.116	3.528.339.243
Các bên khác	6.237.096.554	3.423.328.543
TỔNG CỘNG	<u>24.102.949.670</u>	<u>6.951.667.786</u>

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2021
Phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	3.052.374.417	8.243.743.846	(9.675.989.091)	1.620.129.172
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.037.211.672	413.360.413	(1.044.137.798)	406.434.287
Thuế tài nguyên	-	157.934.400	-	157.934.400
Thuế thu nhập cá nhân	186.179.074	141.228.581	(313.936.275)	13.471.380
Thuế tiêu thụ đặc biệt	5.105.050	-	(5.105.050)	-
Thuế khác	11.352.529	22.136.662	(29.552.017)	3.937.174
TỔNG CỘNG	<u>4.292.222.742</u>	<u>8.978.403.902</u>	<u>(11.068.720.231)</u>	<u>2.201.906.413</u>
Phải thu				
Thuế thu nhập cá nhân	121.949.921	976.183.230	(1.076.334.211)	21.798.940
Thuế giá trị gia tăng	78.416.210	394.326.742	(205.349.694)	267.393.258
TỔNG CỘNG	<u>200.366.131</u>	<u>1.370.509.972</u>	<u>(1.281.683.905)</u>	<u>289.192.198</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Chi phí thuê đất	6.591.552.300	3.285.244.800
Chi phí quảng cáo	1.289.935.383	-
Chi phí lương	1.181.794.333	2.045.458.919
Phí dịch vụ chuyên nghiệp	992.647.464	539.515.437
Chi phí lãi vay	558.264.975	148.089.855
Khác	1.170.224.281	21.060.902
TỔNG CỘNG	<u>11.784.418.736</u>	<u>6.039.369.913</u>

19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn thể hiện các khoản tiền nhận trước từ khách hàng về việc thuê phòng khách sạn.

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Ngắn hạn	60.341.925.734	52.811.849.274
Các bên liên quan (Thuyết minh số 29)	53.479.511.625	48.617.121.383
Chi phí lãi vay	2.974.975.011	1.725.295.160
Nhận ký quỹ	1.236.500.000	1.056.500.000
Cổ tức phải trả	245.223.025	245.585.525
Khác	2.405.716.073	1.167.347.206
Dài hạn	14.002.404.716	14.182.404.716
Bên liên quan (Thuyết minh số 29)	11.919.404.716	11.919.404.716
Nhận ký quỹ	2.083.000.000	2.263.000.000
TỔNG CỘNG	<u>74.344.330.450</u>	<u>66.994.253.990</u>

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY

	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	Vay	Phân loại lại	Trả nợ vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2021
					VND
Ngắn hạn	150.803.818.748	211.321.634.749	24.453.623.984	(150.177.626.293)	236.401.451.188
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.1)	92.751.261.186	108.609.502.704	-	(95.843.031.787)	105.517.732.103
Vay bên liên quan (Thuyết minh số 21.2)	19.828.890.000	100.750.000.000	-	(40.828.890.000)	79.750.000.000
Vay các bên khác (Thuyết minh số 21.3)	25.200.000.000	-	-	-	25.200.000.000
Vay dài hạn các bên khác đến hạn trả	1.739.502.308	-	14.824.117.933	(1.739.502.308)	14.824.117.933
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (Thuyết minh số 21.4)	10.713.970.280	-	9.629.506.051	(10.713.970.280)	9.629.506.051
Vay thấu chi ngân hàng	570.194.974	1.962.132.045	-	(1.052.231.918)	1.480.095.101
Dài hạn	90.727.877.249	41.955.409.496	(24.453.623.984)	(25.822.611.641)	82.407.051.120
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 21.4)	24.094.696.531	7.416.058.115	(9.629.506.051)	(353.591.816)	21.527.656.779
Vay các bên liên quan (Thuyết minh số 21.5)	32.945.000.000	1.900.000.000	-	(5.800.000.000)	29.045.000.000
Vay các bên khác (Thuyết minh số 21.6)	33.688.180.718	32.639.351.381	(14.824.117.933)	(19.669.019.825)	31.834.394.341
TỔNG CỘNG	241.531.695.997	253.277.044.245	-	(176.000.237.934)	318.808.502.308

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Mục đích	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk					
Khoản vay 1	64.340.976.337	Từ ngày 21 tháng 7 năm 2021 đến 16 tháng 12 năm 2021	Từ 6 đến 8,2	Tài trợ vốn lưu động	5.000.000 cổ phiếu SBT thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công (“TTCI”); và Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú
Ngân Hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam – Chi nhánh Gia Định					
Khoản vay 1	21.302.746.407	Từ ngày 30 tháng 11 năm 2021 đến 22 tháng 2 năm 2022	7,2	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh					
Khoản vay 1	19.874.009.359	Từ 5 tháng 7 năm 2021 đến ngày 23 tháng 12 năm 2021	6,2	Tài trợ vốn lưu động	Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất tại số 2 Hai Bà Trưng, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ
TỔNG CỘNG	<u>105.517.732.103</u>				

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.2 Vay ngắn hạn bên liên quan

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ bên liên quan như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Mục đích	Hình thức đảm bảo
	VND		%/ năm		
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng					
Khoản vay 1	40.200.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2021	10,8	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay 2	8.700.000.000	Ngày 16 tháng 4 năm 2022	10,8	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay 3	5.900.000.000	Ngày 1 tháng 6 năm 2022	10,8	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay 4	3.500.000.000	Ngày 11 tháng 5 năm 2022	10,8	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay 5	2.800.000.000	Ngày 19 tháng 4 năm 2022	10,8	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay 6	2.500.000.000	Ngày 13 tháng 4 năm 2022	10,8	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay 7	2.500.000.000	Ngày 31 tháng 5 năm 2022	10,8	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay 8	2.200.000.000	Ngày 10 tháng 6 năm 2022	10,8	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay 9	2.000.000.000	Ngày 4 tháng 5 năm 2022	10,8	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay 10	1.200.000.000	Ngày 19 tháng 4 năm 2022	10,8	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp

Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình

Khoản vay 1	6.500.000.000	Ngày 9 tháng 4 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay 2	1.200.000.000	Ngày 12 tháng 4 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay 3	200.000.000	Ngày 13 tháng 4 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay 4	200.000.000	Ngày 29 tháng 4 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp
Khoản vay 5	150.000.000	Ngày 29 tháng 4 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tín chấp

TỔNG CỘNG

79.750.000.000

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.3 Vay ngắn hạn từ các bên khác

Chi tiết khoản vay ngắn hạn từ các bên khác như sau:

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Mục đích	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Xây dựng và Kết cấu Thép Đại Tín					
Khoản vay 1	15.600.000.000	Ngày 30 tháng 9 năm 2021	9,5	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 2	5.600.000.000	Ngày 27 tháng 9 năm 2021	9,5	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 3	1.000.000.000	Ngày 6 tháng 8 năm 2021	10,5	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Ông Trần Long Hải	3.000.000.000	Ngày 12 tháng 5 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
TỔNG CỘNG	<u>25.200.000.000</u>				

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.4 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/ năm	Mục đích	VND	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Đắk Lắk						
Khoản vay 1	14.464.040.619	Ngày 19 tháng 6 năm 2025	Từ 10,5 đến 11	Tài trợ vốn lưu động		
Khoản vay 2	10.483.380.785	Từ ngày 19 tháng 6 năm 2025 đến 29 tháng 10 năm 2025	Từ 10,5 đến 11,2	Tài trợ vốn lưu động		5.000.000 cổ phiếu SBT thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công ("TTCI"); và Quyền khai thác Khu du lịch Núi Tà Cú
Khoản vay 3	1.607.106.750	Ngày 22 tháng 4 năm 2024	Từ 10,5 đến 11,1	Tài trợ vốn lưu động		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình						
Khoản vay 1	1.588.950.000	Từ ngày 29 tháng 9 năm 2021 đến 29 tháng 12 năm 2023	8,9	Tài trợ vốn lưu động		Phương tiện vận tải
Khoản vay 2	287.000.000	Từ ngày 17 tháng 9 năm 2021 đến 17 tháng 12 năm 2023	8,9	Tài trợ vốn lưu động		Phương tiện vận tải

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.4 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được trình bày như sau: (tiếp theo)

Ngân hàng	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất	Mục đích	Hình thức đảm bảo
	VND		%/năm		
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Hồ Chí Minh					
Khoản vay 1	1.613.733.324	Từ ngày 26 tháng 7 năm 2021 đến ngày 9 tháng 2 năm 2023	7,9	Tài trợ vốn lưu động	Phương tiện vận tải
Khoản vay 2	263.679.988	Từ ngày 26 tháng 7 năm 2021 đến ngày 28 tháng 6 năm 2023	8,5	Tài trợ vốn lưu động	Phương tiện vận tải
Khoản vay 3	99.000.000	Từ ngày 26 tháng 7 năm 2021 đến ngày 29 tháng 12 năm 2021	7,9	Tài trợ vốn lưu động	Phương tiện vận tải
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh 1					
Khoản vay 1	459.252.321	Ngày 3 tháng 7 năm 2021	6,2	Tài trợ vốn lưu động	Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất tại số 2 Hai Bà Trưng, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ
Khoản vay 2	291.019.043	Ngày 16 tháng 7 năm 2021	6,2	Tài trợ vốn lưu động	
	31.157.162.830				

Trong đó:

Vay dài hạn	9.629.506.051
đến hạn trả	21.527.656.779
Vay dài hạn	

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.5 Vay dài hạn từ bên liên quan

Chi tiết các khoản vay dài hạn từ các bên liên quan được trình bày như sau: (tiếp theo)

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất %/năm	Mục đích	Hình thức đảm bảo
Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng					
Khoản vay 1	7.345.000.000	Ngày 30 tháng 12 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 2	5.400.000.000	Ngày 25 tháng 12 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình					
Khoản vay 1	2.800.000.000	Ngày 14 tháng 11 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 2	2.700.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 3	2.600.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 4	2.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 5	1.900.000.000	Ngày 25 tháng 1 năm 2023	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 6	1.300.000.000	Ngày 26 tháng 11 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 7	1.000.000.000	Ngày 25 tháng 8 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 8	1.000.000.000	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 9	500.000.000	Ngày 29 tháng 8 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
Khoản vay 10	500.000.000	Ngày 30 tháng 9 năm 2022	10	Tài trợ vốn lưu động	Tin chấp
	29.045.000.000				
Trong đó:					
Vay dài hạn	29.045.000.000				

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

21. VAY (tiếp theo)

21.6 Vay dài hạn từ các bên khác

Các khoản vay dài hạn là các khoản vay từ các nhân viên của Công ty để tài trợ vốn lưu động trong kỳ. Các khoản vay này có thời hạn 2 năm, đáo hạn từ 19 tháng 12 năm 2021 tới 28 tháng 6 năm 2023, với lãi suất 10,75%/năm và không có tài sản bảo đảm.

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	926.666.080.000	121.732.866.414	6.719.655.738	41.139.417.091	1.096.258.019.243
Phát hành cổ phiếu cho nhân viên	46.100.000.000	7.837.000.000	-	-	53.937.000.000
Chi phí phát cổ phiếu	-	(110.000.000)	-	-	(110.000.000)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	15.890.339.499	15.890.339.499
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020	972.766.080.000	129.459.866.414	6.719.655.738	57.029.756.590	1.165.975.358.742
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021					
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	972.766.080.000	106.459.866.414	6.719.655.738	94.884.324.628	1.180.829.926.780
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	5.188.235.845	5.188.235.845
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2021	972.766.080.000	106.459.866.414	6.719.655.738	100.072.560.473	1.186.018.162.625

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu kỳ	972.766.080.000	926.666.080.000
Tăng trong kỳ	-	46.100.000.000
Số cuối kỳ	<u>972.766.080.000</u>	<u>972.766.080.000</u>
Cổ tức đã trả	475.000	910.000

22.3 Cổ phiếu

	<u>Số lượng cổ phiếu</u>	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021 (cổ phiếu)	Ngày 31 tháng 12 năm 2020 (cổ phiếu)
Cổ phiếu được phép phát hành	97.276.608	97.276.608
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	97.276.608 97.276.608	97.276.608 97.276.608
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	97.276.608 97.276.608	97.276.608 97.276.608

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu. Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết, không hạn chế.

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	78.338.961.427	114.355.120.948
Doanh thu thuần về bán hàng	9.802.483.704	7.257.029.334
TỔNG CỘNG	<u>88.141.445.131</u>	<u>121.612.150.282</u>
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần đối với các bên khác	57.436.429.488	61.256.007.997
Doanh thu thuần đối với các bên liên quan	30.705.015.643	60.356.142.285

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. DOANH THU (tiếp theo)

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Lãi từ chuyển nhượng khoản đầu tư trong công ty con	28.796.650.000	7.118.750.000
Cổ tức được chia	9.000.000.000	4.000.000.000
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.935.052.066	1.055.267.132
Khác	71.886	7.935.108
TỔNG CỘNG	<u>42.731.773.952</u>	<u>12.181.952.240</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Các bên khác</i>	<i>872.805.432</i>	<i>7.405.014.044</i>
<i>Các bên liên quan</i>	<i>41.858.968.520</i>	<i>4.776.938.196</i>

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Giá vốn dịch vụ cung cấp	73.435.838.660	74.022.044.288
Giá vốn hàng bán	8.882.211.588	6.468.147.123
TỔNG CỘNG	<u>82.318.050.248</u>	<u>80.490.191.411</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí lãi vay	13.680.043.860	9.480.170.142
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	1.020.780.261	1.175.733.026
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	64.921	1.647.331
TỔNG CỘNG	<u>14.700.889.042</u>	<u>10.657.550.499</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	3.554.264.778	4.880.203.168
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.601.394.502	779.432.012
Chi phí khấu hao và hao mòn	7.311.876	9.275.201
Chi phí khác	299.432.089	3.582.025.290
TỔNG CỘNG	<u>5.462.403.245</u>	<u>9.250.935.671</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	12.190.961.006	15.638.159.787
Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.339.623.620	1.770.896.520
Chi phí khấu hao và hao mòn	793.903.374	734.574.074
Chi phí khác	2.816.853.248	4.934.988.438
TỔNG CỘNG	<u>22.141.341.248</u>	<u>23.078.618.819</u>

27. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020</i>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	72.301.603.546	69.522.337.434
Chi phí nhân viên	19.912.522.106	21.241.151.074
Chi phí nguyên vật liệu	8.882.211.588	8.188.558.721
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 11 và 12)	3.325.765.461	3.252.073.703
Chi phí khác	5.499.692.040	10.615.624.969
TỔNG CỘNG	<u>109.921.794.741</u>	<u>112.819.745.901</u>

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

28.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>413.360.413</u>	<u>2.702.516.503</u>

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	<u>5.601.596.258</u>	<u>18.592.856.002</u>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	1.120.319.252	3.718.571.200
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Chi phí không được khấu trừ	888.885.109	22.035.634
Chênh lệch tạm thời từ dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn chưa ghi nhận thuế hoãn lại	204.156.052	235.146.605
Cổ tức được chia	(1.800.000.000)	(800.000.000)
Lỗi năm trước chuyển sang	-	(473.236.936)
Chi phí thuế TNDN	<u>413.360.413</u>	<u>2.702.516.503</u>

28.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

28.3 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với khoản mục sau do không ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai:

	VND
<i>Khoản mục</i>	<i>Số tiền</i>
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	8.847.819.104
Chi phí lãi vay	3.248.604.028
TỔNG CỘNG	<u>12.096.423.132</u>

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Công ty con	Mua dịch vụ Dịch vụ tư vấn Phí tư vấn Chi phí lãi vay Phí lưu trú Dịch vụ khác Mua hàng hóa Cung cấp dịch vụ Khác	11.479.612.659 9.000.000.000 5.000.000.000 2.759.774.467 1.634.188.466 48.803.896 47.840.182 16.767.012 10.090.909	3.460.704.122 - 12.000.000.000 17.630.137 28.505.455 3.575.429 272.000.000 25.379.226 4.771.218
Công ty TNHH Du lịch TTC	Công ty con	Dịch vụ bán vé máy bay Bán hàng hóa Mua tài sản Lãi cho vay	- - - -	6.027.100.907 507.019.354 277.500.000 230.585.266
		Dịch vụ tư vấn Mua dịch vụ Dịch vụ tư vấn Cổ tức được chia Bán hàng hóa Lãi cho vay Chi phí lãi vay Dịch vụ khác Bán xe	15.426.354.370 10.338.833.663 9.000.000.000 9.000.000.000 3.690.658.900 443.767.123 110.121.918 52.946.104 -	180.343.463 9.492.591.365 - 4.000.000.000 7.824.264.165 50.841.095 25.401.863 - 128.709.860
		Các khoản phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế	- -	3.536.000.000

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ trọng yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020	VND
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Mua dịch vụ Lãi cho vay Bán hàng hóa Doanh thu hợp tác kinh doanh Phí lưu trú Dịch vụ khác Chi phí được chia từ BCC Các khoản phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế	3.045.283.500 1.958.297.426 1.461.004.899 286.799.887 31.379.092 28.240.909 - -	8.400.898.535 243.671.562 1.447.885.618 - 7.784.546 - 3.000.000.000 2.073.818.182	
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Bán hàng hóa Mua dịch vụ Chi phí lãi vay Dịch vụ bán vé máy bay	2.199.736.723 1.187.530.364 70.421.917 -	193.323.201 1.442.743.637 - 373.305.187	
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty liên kết	Phí lưu trú Chi phí lãi vay Bán hàng hóa Chi phí thuê văn phòng Mua dịch vụ Khác Mua hàng hóa Bán xe Phí ăn uống Tiền thuê văn phòng	1.569.379.996 1.001.547.945 728.536.900 693.181.816 171.940.454 148.964.193 29.573.411 - - -	14.545.454 1.310.493.148 591.910.841 552.895.408 1.484.726.914 6.795.454 - 257.419.720 256.601.818 144.720.000	

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐO (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Các nghiệp vụ trong yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
				VND
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Công ty con	Mua dịch vụ Lãi cho vay	3.446.370.463 985.446.299	4.456.369.673 134.977.259
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Mua dịch vụ Lãi cho vay Chi phí lãi vay Bán hàng hóa	1.140.522.758 674.807.672 - -	4.600.000 - 807.782.767 51.355.518
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Công ty con	Mua dịch vụ Dịch vụ khác	3.877.948.358 35.327.273	1.275.571.170 -
Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng	Công ty con	Chi phí lãi vay	633.546.575	10.547.945
Công ty Cổ phần Nhà hàng Ngọc Lan Đình	Công ty con	Chi phí được chia từ BCC	423.500.000	346.500.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Công ty trong cùng Tập đoàn	Mua dịch vụ Dịch vụ khác Doanh thu môi giới	99.166.644 2.164.241 -	59.616.667 - 40.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Dịch vụ bán vé máy bay	145.481.364	440.917.818

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Tiểu ban Kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2020
	865.907.428	4.313.266.696

VND

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả đối với bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
				VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Công ty TNHH Du lịch TTC	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	42.800.034.548	9.866.032.063
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	13.649.528.172	14.829.975.680
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	8.933.210.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	5.243.479.831	2.987.313.000
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	834.945.316	1.707.411.971
Công ty Cổ phần Địa Ốc Sài Gòn Thương Tín	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	642.066.875	530.602.900
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	541.023.545	618.484.111
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	79.430.000	42.200.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Cung cấp dịch vụ	49.674.000	83.209.000
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	-	379.868.419
Công ty Cổ phần Thành Thành Công Biên Hòa	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	-	103.145.000
TỔNG CỘNG			72.773.392.287	31.148.242.144

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn					
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Công ty con	Mua dịch vụ	20.000.000.000	20.000.000.000	
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	19.400.000.000	19.400.000.000	
Công ty TNHH Du lịch TTC	Công ty con	Mua dịch vụ	5.000.000.003	5.000.000.000	
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	-	38.100.104	
TỔNG CỘNG			44.400.000.003	44.438.100.104	
Phải thu về cho vay ngắn hạn					
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Cho vay	37.720.000.000	33.920.000.000	
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Công ty con	Cho vay	21.740.000.000	18.990.000.000	
Công ty TNHH Du lịch TTC	Công ty con	Cho vay	17.000.000.000	-	
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Cho vay	12.600.000.000	12.600.000.000	
TỔNG CỘNG			89.060.000.000	65.510.000.000	

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải thu ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Công ty con	Đặt cọc Chi hộ	23.505.250.000 226.230.113	23.505.250.000 2.295.770.000
Công ty TNHH Du lịch TTC	Công ty con	Lãi cho vay	10.885.479	10.885.479
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Chi hộ Cổ tức được chia Lãi cho vay	4.183.818.265 3.700.000.000 494.608.218	4.065.801.875 5.500.000.000 50.841.095
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Công ty con	Thu nhập từ hợp đồng HTKD Lãi cho vay Chi hộ	2.029.651.353 2.321.883.071 2.222.111.700	1.714.171.477 363.585.645 65.716.000
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Lãi cho vay Chi hộ	1.185.281.642 1.351.404.300	199.835.343 127.837.500
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Chi hộ	811.885.000	115.574.795
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty liên kết	Lãi cho vay	790.382.467	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Sài Gòn Thương Tín	Công ty trong cùng Tập đoàn	Chi hộ	1.311.413.535	-
Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng	Công ty con	Chi hộ	69.019.000	4.114.000
Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Đà Lạt	Công ty con	Lãi cho vay	21.369.863	21.369.863
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Công ty trong cùng Tập đoàn	Lãi cho vay	13.501.370	13.501.370
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Chi hộ	1.277.100	-
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Công ty con	Chi hộ	-	8.272.728
		Chi hộ	-	4.545.455
		Chi hộ	-	590.000
TỔNG CỘNG			44.249.972.476	38.067.662.625

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	2.596.471.744	399.272.098
Công ty Cổ phần Đầu tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn	Mua dịch vụ	1.094.580.375	1.120.270.525
Công ty TNHH Du lịch TTC	Công ty con	Mua dịch vụ	1.019.745.297	4.773.994.109
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	818.843.099	-
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	592.028.000	614.533.500
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Công ty con	Mua dịch vụ	397.756.739	16.254.854.079
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Công ty con	Mua dịch vụ	85.079.000	158.558.200
Công ty TNHH Toàn Thịnh Phát Bình Thuận	Công ty con	Mua dịch vụ	67.515.400	977.428.690
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Mua dịch vụ	15.200.000	27.290.000
TỔNG CỘNG			6.687.219.654	24.326.201.201
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	14.334.524.873	810.000
Công ty Cổ phần Thành Thành Công - Biên Hòa	Công ty trong cùng Tập đoàn	Cung cấp dịch vụ	3.527.529.243	3.527.529.243
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	3.799.000	-
TỔNG CỘNG			17.865.853.116	3.528.339.243

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
VND				
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty TNHH Du lịch TTC	Công ty con	Đặt cọc Lãi vay Thu hộ	45.000.000.000 135.523.781 32.461.000	45.000.000.000 25.401.863 24.141.000
Công ty TNHH Lữ hành Quốc tế TTC	Công ty con	Đặt cọc Khác	4.000.000.000 101.875.476	2.800.000.000 900.000
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Công ty con	Lãi vay Thu hộ	2.787.125.559 83.775.000	247.186.056 50.875.000
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty liên kết	Lãi vay Thu hộ	201.780.824 65.238.000	249.315.067 8.180.000
Công ty Cổ phần Nhà hàng Ngọc Lan Đình	Công ty con	Chi phí được chia từ BCC	635.250.000	169.400.000
Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng	Công ty con	Lãi vay	317.752.055	14.764.384
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Lãi vay	83.884.930	13.463.013
Công ty Cổ phần Du lịch Đồng Thuận	Công ty liên kết	Thu hộ	28.405.000	7.055.000
Công ty Cổ phần Du lịch Núi Tà Cú	Công ty liên kết	Thu hộ	6.440.000	6.440.000
TỔNG CỘNG			53.479.511.625	48.617.121.383

Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả đối với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung giao dịch	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Vay ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Du lịch Thành Thành Công Lâm Đồng	Công ty con	Vay	71.500.000.000	18.628.890.000
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty liên kết	Vay	8.250.000.000	-
Công ty Cổ phần Du lịch Bến Tre	Công ty liên kết	Vay	-	1.200.000.000
TỔNG CỘNG			79.750.000.000	19.828.890.000
Phải trả dài hạn khác				
Công ty TNHH MTV Thành Thành Công Đà Lạt	Công ty con	Nhận bàn giao tài sản Chi hộ	11.690.384.304 229.020.412	11.690.384.304 229.020.412
			11.919.404.716	11.919.404.716
Vay dài hạn				
Công ty Cổ phần Du lịch Thanh Bình	Công ty liên kết	Vay	16.300.000.000	20.000.000.000
Công ty Cổ phần Lâm Công Nghiệp Lâm Đồng	Công ty con	Vay	12.745.000.000	12.945.000.000
TỔNG CỘNG			29.045.000.000	32.945.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

30. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng và đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:


	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Dưới 1 năm	1.076.265.236	1.883.765.236
Từ 1 – 5 năm	557.606.400	602.906.400
Trên 5 năm	3.694.142.400	3.763.843.200
TỔNG CỘNG	<u>5.328.014.036</u>	<u>6.250.514.836</u>


31. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2021	Ngày 31 tháng 12 năm 2020
Nợ khó đòi đã xử lý		
- Ông Huỳnh Bá Hưng	-	235.000.559
- Ông Ngô Đình Long	-	207.057.168
- Nhà máy điện Hậu Giang	-	89.430.165
- Ông Trần Ngọc Nam	-	86.575.232
- Khác	-	864.935.290
Ngoại tệ		
- USD	2.137	9.072

32. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty.


Nguyễn Thị Lan Phương
Người lập


Bùi Tấn Khải
Kế toán trưởng




Võ Hiếu Thuận
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 8 năm 2021